TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HÀ TĨNH** Số: 29/2026/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 181/2025/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị H, sinh năm 1967; CCCD số: 042167010551; Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Hà Tĩnh.

Bị đơn: Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1963; CCCD số: 042063004132; Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 33, 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a, b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 02 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 02 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Dương Thị H và ông Phạm Ngọc T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Bà Dương Thị H và ông Phạm Ngọc T có 4 người con chung là Phạm Ngọc Đ sinh năm 1987, Phạm Thị Thanh S năm 1990, Phạm Thị N sinh năm 1998, Phạm Thị T1 sinh năm 2005. Hiện nay, các con chung đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề quyền nuôi con.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung:

- Vợ chồng thống nhất có các tài sản chung sau đây:

+ 01 thửa đất số 1463, tờ bản đồ số 07, diện tích 457,5m2 trong đó 200m2 đất ở và 257,5m2 đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã T, tỉnh Hà Tĩnh), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DL 919844, số vào sổ cấp GCN: VP 03196 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh H cấp ngày 05/7/2023 mang tên ông Phạm Ngọc T và bà Dương Thị H có trị giá 1.353.690.000 đồng. (Trích đo ngày 25/12/2025 là thửa đất số 1463 tờ bản đồ số 109 xã L (cũ)).

+ 01 ngôi nhà cấp 4 và các công trình gắn liền với nhà được xây dựng trên thửa đất nói trên có trị giá 884.714.916 đồng.

+ Các vật dụng sinh hoạt trong gia đình, không xác định giá trị.

Tổng giá trị tài sản chung: 2.238.404.916 đồng.

- Vợ chồng không có nợ chung.

- Về phân chia tài sản chung: Ông Phạm Ngọc T có quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 1463, tờ bản đồ số 07, diện tích 457,5m2 trong đó 200m2 đất ở và 257,5m2 đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã T, tỉnh Hà Tĩnh), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DL 919844, số vào sổ cấp GCN: VP 03196 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh H cấp ngày 05/7/2023 mang tên ông Phạm Ngọc T và bà Dương Thị H và quyền sở hữu ngôi nhà cấp 4 và các công trình gắn liền với nhà được xây dựng trên thửa đất nói trên, các vật dụng sinh hoạt trong gia đình và có trách nhiệm đưa lại cho bà Dương Thị H tiền chênh lệch phân chia giá trị tài sản chung là 1.050.000.000 đồng. Bà Dương Thị H có trách nhiệm bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký các giấy tờ liên quan đến thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi nhận đủ số tiền 1.050.000.000 đồng (một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng) tiền chênh lệch chia tài sản chung. Các bên đương sự đã thực hiện xong việc giao tiền và giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.3. Về án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Nguyên đơn bà Dương Thị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định và định giá tài sản. Bà Dương Thị H đã nộp đủ cho Tòa án.

- Về án phí:

Bà Dương Thị H chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 21.750.000 đồng án phí chia tài sản. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000401 ngày 28/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

Ông Phạm Ngọc T chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 23.826.074 đồng án phí chia tài sản. Ông Phạm Ngọc T là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật

thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực 1 - Hà Tĩnh;
- Phòng THADS khu vực 1 - Hà Tĩnh;
- UBND Phường 2 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Bích Đào